

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 – NGHỆ AN**

Bản án số: 40/2026/DS-ST

Ngày: 19 - 6 -2026

V/v “*Tranh chấp về thừa kế tài sản*”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hồ Thị Nhiệm và ông Chu Quang Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Hoàng Phương – Thư ký TAND Khu vực 4 - Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Nga – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 176/2025/TLST-DS ngày 16 tháng 12 năm 2025 về việc “*Tranh chấp về thừa kế tài sản*”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 265/2026/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đặng Thị Đ, sinh năm 1965; có mặt

Địa chỉ: Khối H, phường Q, tỉnh Nghệ An.

- Bị đơn: Bà Đặng Thị T, sinh năm 1963, vắng mặt

Địa chỉ: Thôn C Q, xã Q, tỉnh Nghệ An.

Đại diện theo uỷ quyền cho bà Đặng Thị T, ông Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1959, có mặt

Địa chỉ: Thôn E Q, xã Q, tỉnh Nghệ An.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Đặng Thị S, sinh năm 1952; vắng mặt

2. Ông Hồ Bá M, sinh năm 1957; vắng mặt

Địa chỉ: Thôn 4 Quỳnh Giang, xã Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An

3. Chị Hồ Thị H, sinh năm 1981; vắng mặt

Địa chỉ: 4 tổ B, khu phố D, phường A, thành phố Hồ Chí Minh.

4. Bà Hồ Thị H1, sinh năm 1984; vắng mặt

Địa chỉ: Số A đường F, phường H, thành phố Hồ Chí Minh.

5. Anh Hồ Xuân L1, sinh năm 1987; vắng mặt

Địa chỉ: Khu Bộ đội Biên phòng, Xã Quế Phong, tỉnh Nghệ An

6. Chị Hồ Thị T1, sinh năm 1990; vắng mặt

Địa chỉ: Thôn 10, xã Thọ Bình, tỉnh Thanh Hóa

7. Bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1970; có mặt

Địa chỉ: Thôn A Q, xã Q, tỉnh Nghệ An.

Đại diện theo uỷ quyền cho bà M, H2, anh L1, bà H1, H, T1, ông S, ông Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1959, có mặt

Địa chỉ: Thôn E Q, xã Q, tỉnh Nghệ An.

8. Bà Lê Thị Q, sinh năm 1973; vắng mặt

9. Anh Nguyễn Tấn D, sinh năm 2004; vắng mặt

10. Anh Nguyễn Tấn T2, sinh năm 2012; vắng mặt

Địa chỉ: Thôn B, xã N, tỉnh Khánh Hòa

Người giám hộ cho cháu T2: Chị Lê Thị Q, sinh năm 1973 (Là mẹ đẻ).

Địa chỉ: Thôn B, xã N, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt

11. Ông Trần Văn B, sinh năm 1956; vắng mặt (Là Hội đồng gia tộc họ Trần Văn tại Q, xã Q, tỉnh Nghệ An).

Địa chỉ: Thôn C Q, xã Q, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 06/11/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, đồng nguyên đơn Đặng Thị Đ trình bày:

Bố mẹ bà là cụ Đặng L2 (sinh năm 1928, chết năm 1965) và cụ Chu Thị T3 (sinh năm 1931, chết năm 2021), bố mẹ chết không để lại di chúc. Cụ L2 và cụ T3 sinh được 4 người con là Đặng Thị S, Đặng Thị T4 (chết năm 2022, có chồng tên Hồ Xuân M1 và các con là Hồ Thị H, Hồ Thị H1, Hồ Xuân L1, Hồ Thị T1), Đặng Thị T, Đặng Thị Đ. Năm 1968 cụ T3 lấy cụ Nguyễn Tấn T5. Cụ T5 chết khi nào thì bà Đ không biết vì cụ T5 đi về quê trong miền N và chết ở trong đó luôn từ những năm 1980. Cụ T3 và cụ T5 sinh được 02 người con là Nguyễn Thị H2 và Nguyễn Tấn C (đã chết năm 2023 có vợ là Lê Thị Q và con là Nguyễn Tấn D và Nguyễn Tấn T2).

Thửa đất 177 tờ bản đồ số 1 tại thôn C Q, xã Q có nguồn gốc là của cụ L2 và cụ T3 tạo dựng được trong thời kỳ hôn nhân. Cụ T3 lấy cụ T5 thì cụ T5 cũng không thường xuyên sống trên thửa đất này mà cụ T5 sống tại Cơ quan chỉ thỉnh thoảng mới về nhà thăm con. Sau đó đến năm 1988 cụ T5 về quê ở trong nam và chết ở trong đó luôn.

Ngày 05/10/1995, thửa đất này được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 0836857 diện tích 896 m² mang tên bà Chu Thị T3.

Ngày 28/8/2005, cụ T3 và các đồng thừa kế đã bán cho bà Đặng Thị Đ 185 m² với giá 50.000.000 đồng, số tiền này cụ T3 để chữa bệnh cho cụ T3 và bà Đặng

Thị Tương . Tứ cận diện tích bán đất cho bà Đ là phía Đông giáp vườn nhà anh Trần Đức L3, phía Tây giáp đường liên hương, phía Bắc giáp vườn nhà anh Trần Đức L3. Anh chị em trong gia đình đã biết, đồng ý việc cụ T3 bán cho bà Đặng Thị Đ và thống nhất cho đến nay. Trên đất hiện nay có nhà của bà Đặng Thị T, trên đất có phần mộ khoảng 16 m² của dòng họ Trần tại xóm E Q. Phần mộ này nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà T3 và có từ lâu, từ khi cụ T3 và cụ L2 mua đất ở đây đã có rồi.

Nay bà Đặng Thị Đ yêu cầu công nhận phần diện tích đất 185m² tại thửa 177 tờ bản đồ số 1, xóm E, xã Q, huyện Q nay là thôn E Q, xã Q, tỉnh Nghệ An là của bà, giấy xin chuyển nhượng đất ở đất vườn ngày 28/8/2005 có hiệu lực; Yêu cầu chia di sản của cụ Chu Thị T3 để lại theo quy định pháp luật. Đối với phần hết thời hiệu của cụ L2 thì đề nghị giao cho bà Đặng Thị T được sử dụng. Bà Đặng Thị Đ xin được nhận phần chia di sản thừa kế bằng hiện vật và được nhập vào phần của bà mua từ năm 2005.

Bị đơn bà Đặng Thị T trình bày:

Về quan hệ huyết thống và nguồn gốc thửa đất, quá trình sử dụng thửa đất tại thửa 177 tờ bản đồ số 1 thôn E Q, xã Q, tỉnh Nghệ An. Bà T đều thống nhất trừ 185m² mà trước đây cụ T3 đã bán cho bà Đặng Thị Đ, rồi số còn lại để chia thừa kế theo quy định pháp luật. Phần hết thời hiệu của cụ L2 nhất trí để cho bà sử dụng vì từ trước đến nay bà đã ở, trông coi, quản lý trên thửa đất. Đối với phần di sản của cụ T3 thì chia theo quy định pháp luật. Bà Đặng Thị T mặc dù trực tiếp đang ở trên đất có công quản lý, duy trì thửa đất, nhưng bà T không yêu cầu Tòa án tính tiền công sức. Về phần mộ trên diện tích đất của bố mẹ bà đã có từ lâu của dòng họ Trần xã Q, nằm trong phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình, bà có ý kiến tạm thời để cho ngôi mộ nằm trên đất hoặc các bên thỏa thuận sau.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị S, bà Nguyễn Thị H2, ông Hồ Bá M, anh Hồ Xuân L1, chị Hồ Thị T1, chị Hồ Thị H, chị Hồ Thị H1 và người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thống nhất trình bày:

Thống nhất với ý kiến của nguyên đơn về quan hệ huyết thống, nguồn gốc tài sản thừa kế, thống nhất phần đất mà cụ T3 đã chuyển nhượng cho bà Đặng Thị Đ1, nhất trí công nhận giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 28/8/2005 có hiệu lực. Đây là phần của cụ T3 chuyển nhượng, sau khi trừ đi 185 m² thì chia di sản thừa kế. Phần ngôi mộ nằm trên phần đất của gia đình từ lâu, nên không có ý kiến gì về phần ngôi mộ, nếu Tòa án giao cho ai được nhận phần đất có ngôi mộ thì người đó quản lý.

Bà S có nguyện vọng được nhận phần thừa kế của mình và giao cho ông M và các con ông M phần thừa kế của mình và xin nhận tiền.

Bà H2 có nguyện vọng xin được nhận di sản bằng hiện vật và giao lại bằng tiền cho chị Q, cháu D, cháu T2.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Q, anh Nguyễn Tấn D thống nhất trình bày:

Chị Q là vợ của anh Nguyễn Tấn C, chị Q và anh C có 02 con chung là Nguyễn Tấn D và Nguyễn Tấn T2. Anh C mất ngày 28/5/2022, khi chết không để lại di chúc. Chị và anh D thống nhất về quan hệ huyết thống, nguồn gốc tài sản thừa kế như nguyên đơn trình bày. Nguyên đơn yêu cầu chia di sản thừa kế phần của cụ T3 để lại thì chị nhất trí và xin nhận bằng tiền một lần.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn B, đại diện dòng họ Trần Văn tại Q, xã Q trình bày:

Ông Trần Văn B là thành viên Hội đồng gia tộc họ Trần tại xóm E Q. Nguồn gốc ngôi mộ nằm trên thửa đất của cụ Chu Thị T3 là phần mộ họ Trần (họ Trần Q1) là dòng họ của ông Trần B, đã có cách đây gần 400 năm, khi mới khai hoang làng xóm tại Q. Sau đó vợ chồng bà T3 đến đó ở rồi khai hoang đến hết phần có ngôi mộ. Phần mộ này truyền từ đời cha ông để lại thì biết đó là mộ của dòng họ ngoài ra không có giấy tờ của cơ quan Nhà nước nào cấp của dòng họ T6. Vì phần mộ nằm trong thửa đất này nên không có giấy tờ gì cấp đất đối với ngôi mộ mà nằm trong thửa đất của bà T3. Nay bà Đặng Thị Đ là con gái bà T3 yêu cầu chia thừa kế thì phần mộ của dòng họ ông nằm trên đất thì ý kiến của ông cũng như các thành viên khác của họ đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật, đồng thời đề nghị gia đình bà Đặng Thị T cho đắp đất ngôi mộ lên cao cho sạch sẽ và xin bà T bán cho một lối đi khoảng 70cm để con cháu đi vào thắp hương.

Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:

Thửa đất số 177 tờ bản đồ số 1 diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 896m² trong đó 200m² đất ở và 696m² đất vườn nay đo lại theo thực tế sử dụng là 1000,5m², có tứ cận: Phía Bắc giáp thửa 109 và thửa 352 tờ bản đồ số 135 dài 22,11m; Phía Nam giáp đường bê tông dài 32,21m; Phía Đông giáp ngõ đi và thửa 109 tờ bản đồ số 135 dài 42,17m; Phía Tây giáp thửa 124 tờ bản đồ số 135 dài 27,91m. Đất ở 12.000.000 đồng/m² và đất vườn giá 6.000.000 đồng/m². Tài sản trên đất gồm: Phần tài sản của bà Đặng Thị S: Ốt lợp tôn, tường xây sò nền lát gạch hoa diện tích 33,988m²; Mái che trước ốt kích thước 28,4m² có tổng giá trị 34.000.000 đồng.

Phần tài sản của bà Đặng Thị T: Ốt lợp tôn chống nóng, tường xây sò nền lát gạch hoa kích thước 30,76m² giá trị 52.000.000 đồng; Nhà ở chính tường xây sò,

có mái vê nền lát gạch hoa, mái lợp ngói, kích thước 51,66m² giá 100.000.000 đồng; Nhà ở phụ mái lợp tôn có trần nhựa nền lát gạch hoa kích thước 26,4m² giá 45.000.000 đồng; phần cổng gồm cổng sắt lưới B40; phần sân nền lát gạch hoa và mái tôn trước nhà kích thước 15m² tổng là 8.000.000 đồng; Mái tôn phía sau nhà kích thước 24,96m² giá 5.000.000 đồng; bể nước, giếng và sân giếng giá 15.000.000 đồng; nhà tắm, nhà vệ sinh tường xây sò diện tích 8m², tổng là 16.000.000 đồng.

Kết quả xác minh tại UBND xã Q: Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là thửa 177 tờ bản đồ số 1 diện tích 896m²; theo bản đồ 299 là thửa 177 tờ số 7 diện tích 905m²; theo bản đồ địa chính là thửa 420 tờ bản đồ số 8 diện tích 840m²; theo bản đồ địa chính 2013 là thửa 122 tờ bản đồ số 135 diện tích 1015,2m². Diện tích thửa đất có sự thay đổi là do sai số đo đạc giữa các thời kỳ bản đồ, còn ranh giới, hình thể thửa đất ổn định, không có tranh chấp với các hộ liền kề. Về phần ngôi mộ không có tài liệu nào thể hiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà qua các trích lục bản đồ thì thấy nằm trong thửa 117 tờ bản đồ số 1 tại xóm C Q, xã Q, tỉnh Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – Nghệ An phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân và Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thực hiện đúng đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Đặng Thị Đ khởi kiện yêu cầu phân chia di sản thừa kế theo pháp luật; bị đơn là bà Đặng Thị T có đăng ký hộ khẩu tại thôn C Q, xã Q, tỉnh Nghệ An. Đối tượng tranh chấp là bất động sản có địa chỉ tại xã Q, tỉnh Nghệ An, các bên không có thỏa thuận về giải quyết tranh chấp. Căn cứ quy định tại khoản 5 Điều 26, điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự, xác định quan hệ tranh chấp về thừa kế tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Nghệ An.

[1.2] Về việc xét xử vắng mặt: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý, giấy báo đương sự, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa

cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Tấn D, bà Lê Thị Q cũng là người giám hộ cho cháu Nguyễn Tấn T2 nhưng chị Q, anh D, cháu T2 có đơn xin vắng mặt. Vì vậy căn cứ Điều 227, 228 BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cháu T2, bà Q, anh D.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét giấy chuyển nhượng ngày 28/8/2005 được ký kết trên cơ sở tự nguyện giữa cụ Chu Thị T3 và bà Đặng Thị Đ đã được UBND xã xác nhận; nội dung và hình thức phù hợp với quy định pháp luật. Các đương sự cũng đã thống nhất phần mà cụ T3 bán cho bà Đặng Thị Đ theo giấy chuyển nhượng là đúng sự thật. Bà Đ mua đất phần của cụ T3 bán cho không liên quan đến phần của cụ L2 nên không ảnh hưởng đến phần thừa kế của cụ L2. Hơn nữa bà Đặng Thị Đ đã trả tiền mua đất một lần theo giá trị chuyển nhượng. Do đó giấy chuyển nhượng đất ngày 28/8/2005 có hiệu lực pháp lý theo quy định.

[2.2] Về di sản thừa kế:

Qua lời khai của các đương sự đều thống nhất cụ Chu Thị T3 kết hôn với cụ Đặng L2 từ khoảng năm 1950 và đã tạo dựng được thửa đất số 177 tờ bản đồ số 1 tại xóm E, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An nay là thôn C Q, tỉnh Nghệ An. Cụ L2 và cụ T3 đã sinh được 04 người con. Cụ T3 tiếp tục sống tại thửa đất đó và đến năm 1968 thì lấy cụ Nguyễn Tấn T5. Cụ T5 chỉ qua lại thửa đất này rồi sau đó vào N là quê hương của cụ sinh sống rồi chết ở đó luôn. Vì vậy cần xác định thửa đất số 177 tờ bản đồ số 1 diện tích theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 896m² nay có diện tích 1000,5m² tại thôn C Q là tài sản chung và là di sản thừa kế của cụ L2 và cụ T3 để lại.

[2.1] Về thời điểm mở thừa kế và thời hiệu khởi kiện:

Cụ Đặng L2 chết ngày 26/8/1965 (theo giấy chứng tử số 725/TLKT-BS ngày 05/6/2019). Cụ Chu Thị T3 chết ngày 18/4/2021 (theo giấy chứng tử số 25/2021/TLKT ngày 18/4/2021. Căn cứ vào Điều 611 Bộ luật Dân sự xác định thời điểm mở thừa kế của cụ L2 là ngày 26/8/1965, thời điểm mở thừa kế của cụ Chu Thị T3 là ngày 18/4/2021. Ngày 06/11/2025, cụ Đặng Thị Đ là con ruột của cụ T3 và cụ L2 có đơn yêu cầu chia di sản thừa kế. Căn cứ điều 623 Bộ luật dân sự 2015, đối với phần di sản của cụ L2 để lại đã hết thời hiệu, đối với phần di sản của cụ T3 để lại là đang còn trong thời hiệu chia di sản thừa kế.

[2.3] Về việc chia tài sản thừa kế:

[2.3.1] Về việc chia tài sản thừa kế theo pháp luật: Qua điều tra xác minh và phần trình bày của các đương sự cho thấy, kể từ khi cụ T3 chết đến nay thì bà Đặng Thị T là người trực tiếp quản lý, trông coi di sản. Cụ Chu Thị T3 trước khi chết không để lại di chúc, phần di sản của cụ L2, cụ T3 để lại chưa chia.

Do đó hội đồng xét xử xác định chia tài sản thừa kế của cụ T3 để lại là $\frac{1}{2}$ thửa đất số 177 tờ bản đồ số 1 diện tích đo đạc thực tế là 1000,5 m². Đồng thời bị đơn có yêu cầu áp dụng thời hiệu để giao phần của cụ L2 cho bà T được hưởng. Do đó căn cứ Điều 623 Bộ luật dân sự, cần áp dụng thời hiệu để công nhận phần tài sản của cụ Đặng L2 để lại cho bà Đặng Thị T được quản lý sử dụng mà không chia phân di sản của cụ L2 như bị đơn yêu cầu là có căn cứ.

Vì vậy, cần công nhận $\frac{1}{2}$ diện tích đất của cụ L2 là 500,25m² cho bà Đặng Thị T được quyền quản lý, sử dụng và chia di sản của cụ Chu Thị T3 để lại theo quy định pháp luật là có căn cứ cần chấp nhận. Quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều thống nhất trừ đi 185m² đã chuyển nhượng cho bà Đặng Thị Đ, phần còn lại chia theo hàng thừa kế.

[2.2.4] Về người thừa kế: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 651 Bộ luật Dân sự những người thuộc hàng thừa kế của cụ T3 gồm 06 người: Bà Đặng Thị Đ, bà Đặng Thị T, bà Đặng Thị S, bà Nguyễn Thị H2, bà Đặng Thị T4, ông Nguyễn Tấn C. Do bà Đặng Thị T4 đã chết năm 2022 và ông Nguyễn Tấn C đã chết năm 2023 (chết sau bà Chu Thị T3) nên chồng và các con của bà T4; vợ và các con của ông C được hưởng thừa kế chuyển tiếp theo quy định pháp luật.

[2.2.5] Về việc phân chia di sản:

Phần tài sản của cụ T3 để lại chưa chia là $\frac{1}{2}$ thửa đất 500,25m² sau khi trừ đi 185m² đất vườn đã chuyển nhượng cho bà Đặng Thị Đ còn lại là 315,25m² (trong đó có 100m² đất ở và 215,25m² đất vườn, tương đương với số tiền là 2.491.500.000 đồng. Do bà T có yêu cầu không tính phần công sức cho bà hơn nữa cụ T3 mới chết năm 2021 nên không tính phần công sức tôn tạo, bảo quản, duy trì cho bà T. Do đó tài sản của cụ T3 để lại sau khi trừ đi phần chuyển nhượng chia thành 6 phần, mỗi kỷ phần là 52,54m² (trong đó 16,66m² đất ở và 35,88m² đất vườn) tương đương với số tiền mỗi kỷ phần là 415.250.000 đồng.

[2.2.6] Xét yêu cầu của các đương sự và phân chia cụ thể:

Quá trình giải quyết vụ án bà T có nguyện vọng được nhận phần đất hết thời hiệu của cụ L2 và phần được nhận chia thừa kế của cụ T3 bằng đất. Bà Đặng Thị S xin được nhận bằng tiền và giao lại phần của mình cho ông Hồ Xuân M1 và các cháu; bà Lê Thị Q, anh D có nguyện vọng được nhận thừa kế bằng tiền. Do bà Đặng Thị T4 đã mất nên ông M1, anh L1, chị T1, chị H1, chị H được hưởng phần này của bà T4, nên mỗi người được nhận là 83.050.000 đồng. Các con của ông M1 xin được giao phần của mình được nhận cho ông Hồ Bá M. Đối với phần của ông Nguyễn Tấn C đã chết, hàng thừa kế của anh C gồm 3 người là chị Q, anh D, cháu T2, nên mỗi người được nhận phần thừa kế của ông C là 138.416.000 đồng.

Vì vậy phần của bà Đặng Thị T được nhận bao gồm 500,25m² đất được công

nhận do hết thời hiệu chia thừa kế giao cho người đang trực tiếp, quản lý sử dụng và phần được nhận chia thừa kế là 52,54m² nên tổng số đất bà T được nhận là 552,79m². Phần của ông M được nhận của bà Đặng Thị S và các con chuyển lại là 105,08m². Phần ông C được nhận là 52,54 m² nhưng do bà Q, anh D, cháu T2 được nhận di sản bằng tiền nên phần di sản này cần giao cho bà Nguyễn Thị H2 được quản lý sử dụng và bà H2 có nghĩa vụ giao tiền lại cho chị Q, anh D, cháu T2. Như vậy bà H2 được nhận là 105,08 m².

Tuy nhiên thừa đất có hình thể không cân xứng. Do đó cần giao cho các bên có diện tích đất phù hợp, bên được nhận phần đất nhiều hơn kỹ phần mình được nhận sẽ phải trích chia lại bằng tiền cho bên được nhận đất ít hơn để đảm bảo thi hành án. Do đó phần của bà Đặng Thị T có diện tích đất được nhận là 522,1m², thiếu so với phần bà T được hưởng là 30,69m² đất vườn; phần đất của bà Đặng Thị Đ được nhận là 232,3m² thiếu so với phần thừa kế của bà được nhận là 5,24m² đất vườn; phần đất của bà Nguyễn Thị H2 được nhận bao gồm cả phần của anh D, bà Q, cháu T2 là 98,1m² nên thiếu so với phần thừa kế được nhận là 6,98m² đất vườn. Đối với phần đất của bà Đặng Thị S và phần của ông M là 148m², thừa so với phần di sản được nhận là 42,92m².

Vì vậy ông M có nghĩa vụ trích chia tiền cho bà Đặng Thị S là 415.250.000 đồng; trích chia tiền cho bà Đặng Thị Đ là 31.440.000 đồng; trích chia cho bà Đặng Thị T là 184.140.000 đồng; trích chia cho bà Lê Thị Q, anh D, cháu T2 là 41.880.000 đồng. Bà Nguyễn Thị H2 có trách nhiệm trích chia cho bà Q anh D, cháu T2 là 373.370.000 đồng.

Đối với phần đất được giao cho bà Đặng Thị Đ, ông Hồ Bá M, bà Nguyễn Thị H2 diện tích đất ở không đủ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì có quyền nộp thuế phí chuyển mục đích sử dụng sang đất ở để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Trên thửa đất có ngôi mộ của họ T6 từ trước đến nay nên giao trong phần đất được nhận của bà Đặng Thị Tương . Việc di dời hoặc thỏa thuận về việc nâng cấp ngôi mộ sẽ do bà T và dòng họ Trần thỏa thuận giải quyết.

[2.4] Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn tự nguyện chịu chi phí tố tụng nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện này của nguyên đơn.

[2.5] Về án phí: Bà Đặng Thị T, bà Đặng Thị Đ, ông Hồ Bá M, bà Đặng Thị S là người cao tuổi và có đơn xin miễn tiền án phí, cháu Nguyễn Tấn T2 là trẻ em nên thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Chị Hồ Thị H, chị Hồ Thị H1, chị Hồ Thị T1, anh Hồ Xuân L1, bà Lê Thị Q, anh Nguyễn Tấn D, bà Nguyễn Thị H2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào: Khoản 5 Điều 26; các Điều 34, 37, 39, 147, 227, 228, 271; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự sửa đổi bổ sung năm 2025; Các Điều 611, 612, 613, 616, 623, 649, 650, 651, 654, khoản 2 Điều 660 Bộ luật Dân sự 2015; Các Điều 167, 169, 210 Luật Đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

2. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Thị Đ.

2.1 Công nhận giấy chuyển nhượng đất ở và đất vườn ngày 28/8/2005 được xác nhận tại UBND xã Q có hiệu lực.

2.2. Chia di sản của cụ Chu Thị T3 để lại theo pháp luật $\frac{1}{2}$ quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận đăng ký quyền sử dụng đất số D 0836857 ngày 05/10/1995 mang tên Chu Thị T3 là thửa đất số 177 tờ bản đồ số 1 diện tích 576 m^2 (trong đó đất ở 200 m^2 và đất vườn 376 m^2); theo bản đồ 299 là thửa 177 tờ số 7 diện tích 905 m^2 ; theo bản đồ địa chính là thửa 420 tờ bản đồ số 8 diện tích 840 m^2 ; theo bản đồ địa chính 2013 là thửa 122 tờ bản đồ số 135 diện tích $1015,2\text{ m}^2$, nay có diện tích là $1000,5\text{ m}^2$ tại xóm C Q, xã Q, tỉnh Nghệ An, cụ thể như sau:

2.2.1. Giao cho bà Đặng Thị T được quyền sử dụng diện tích đất $522,1\text{ m}^2$ (trong đó $116,6\text{ m}^2$ đất ở và $405,5\text{ m}^2$ đất vườn), gồm phần được chia di sản thừa kế theo pháp luật là $21,85\text{ m}^2$ và phần công nhận quyền sử dụng đất $500,25\text{ m}^2$, tại thửa 177 tờ bản đồ số 1 nay là thửa 122 tờ bản đồ 35, tại xóm C Q, xã Q, tỉnh Nghệ An có tổng giá trị 3.832.200.000 đồng, có tứ cận (có sơ đồ kèm theo):

Phần đất thứ nhất: Phía Bắc giáp phần đất thứ hai của bà Đặng Thị T được nhận dài 10,80m; Phía Nam giáp đường liên xã dài 15,18m; Phía tây giáp phần đất được chia của bà Nguyễn Thị H2 dài 20,38m; Phía đông giáp phần đất của ông Hồ Bá M được chia dài 24,31m.

Phần đất thứ hai: Phía Bắc giáp thửa 109 và thửa 352 tờ bản đồ số 135 dài 22,11m; Phía Nam giáp phần đất của bà Nguyễn Thị H2 được giao; giáp phần đất thứ nhất của bà Đặng Thị T được giao và giáp đất của ông Hồ Bá M, bà Đặng Thị Đ được giao dài 27,89m; Phía Đông giáp thửa 124 tờ bản đồ số 135 dài 9,06 m; Phía tây giáp đường đi và giáp thửa 109 tờ bản đồ số 135 dài 12,24m.

2.2.2. Giao cho bà Đặng Thị Đ được quyền sử dụng diện tích đất $232,3\text{ m}^2$ (trong đó $16,6\text{ m}^2$ đất ở và $215,7\text{ m}^2$ đất vườn), gồm phần được chia di sản thừa kế

theo pháp luật là 47,3m² và phân công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất 185m², tại thửa 177 tờ bản đồ số 1 nay là thửa 122 tờ bản đồ 35, tại xóm C Q, xã Q, tỉnh Nghệ An có tổng giá trị 1.493.400.000 đồng có tứ cận (có sơ đồ kèm theo): Phía Bắc giáp phần đất thứ nhất của bà Đặng Thị T dài 6m; Phía Nam giáp đường liên xã dài 6m; Phía Đông giáp phần đất của ông Hồ Bá M được chia dài 26,04m; Phía Tây giáp đường đi dài 29,93m.

2.2.3. Giao cho ông Hồ Bá M được quyền sử dụng diện tích đất 148 m² (trong đó 32,2m² đất ở và 131,4m² đất vườn), tại thửa 177 tờ bản đồ số 1 nay là thửa 122 tờ bản đồ 35, tại xóm C Q, xã Q, tỉnh Nghệ An có tổng giá trị 1.186.400.000 đồng, có tứ cận (có sơ đồ kèm theo): Phía Bắc giáp phần đất thứ nhất của bà Đặng Thị T dài 6m; Phía Nam giáp đường liên xã dài 6m; Phía Đông giáp phần đất thứ nhất của bà Đặng Thị T được chia dài 24,34m; Phía Tây giáp phần đất của bà Đặng Thị Đ được chia dài 26,04m.

2.2.4. Giao cho bà Nguyễn Thị H2 được quyền sử dụng diện tích đất 98,1 m² (trong đó 32,2m² đất ở và 65,9m² đất vườn), tại thửa 177 tờ bản đồ số 1 nay là thửa 122 tờ bản đồ 35, tại xóm C Q, xã Q, tỉnh Nghệ An có tổng giá trị 793.800.000 đồng, có tứ cận (có sơ đồ kèm theo): Phía Bắc giáp phần đất thứ nhất của bà Đặng Thị T dài 5,09m; Phía Nam giáp đường liên xã dài 5,03m; Phía Tây giáp phần đất thứ nhất của bà Đặng Thị T được chia dài 20,38m; Phía Đông giáp thửa 124 tờ bản đồ 135 dài 18,85m.

2.2.5. Ông Hồ Bá M có nghĩa vụ giao tiền chênh lệch tài sản cho bà Đặng Thị S là 415.250.000 đồng; bà Đặng Thị Đ là 31.440.000 đồng; bà Đặng Thị T là 184.140.000 đồng; trích chia cho bà Lê Thị Q, anh D, cháu T2 là 41.880.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị H2 có trách nhiệm trích chia cho bà Q anh D, cháu T2 là 373.370.000 đồng.

2.2.6. Bà Đặng Thị S được nhận từ ông Hồ Bá M là 415.250.000 đồng; bà Đặng Thị Đ được nhận từ ông Hồ Bá M là 31.440.000 đồng; bà Đặng Thị T được nhận từ ông Hồ Bá M là 184.140.000 đồng; bà Lê Thị Q, anh D, cháu T2 được nhận từ ông Hồ Bá M là 41.880.000 đồng.

2.2.7. Bà Lê Thị Q, anh Nguyễn Tấn D, cháu Nguyễn Tấn T2 là được nhận từ bà Nguyễn Thị H2 373.370.000 đồng và nhận từ ông Hồ Bá M là 41.880.000 đồng.

2.5. Đương sự được quyền liên hệ với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

3. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số

tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự; người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi Hành án dân sự.

4. Về chi phí xem xét chi phí tố tụng: Ghi nhận sự tự nguyện chịu chi phí tố tụng của nguyên đơn bà Đặng Thị Đ.

5. Về án phí: Bà Đặng Thị Đ, bà Đặng Thị T, bà Đặng Thị S, ông Hồ Bá M, cháu Nguyễn Tấn T2 được miễn tiền án phí theo quy định.

Anh Hồ Xuân L1, chị Hồ Thị T1, chị Hồ Thị H1, chị Hồ Thị H mỗi người phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 4.152.500 đồng; bà Nguyễn Thị H2 phải chịu 20.610.000 đồng.

Bà Lê Thị Q và anh Nguyễn Tấn D mỗi người phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 6.921.000 đồng.

6. Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 4 – Nghệ An;
- Cơ quan THADS Nghệ An;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Ngọc Hà